

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2019/DS-PT
Ngày 23-7-2019
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán
Các Thẩm phán: Ông Phạm Phước Thiên
Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện VH có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh N1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện VH, Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện VH, Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện VH, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2018 bà Nguyễn Thị Minh N1 yêu cầu bà Nguyễn Thị N2 trả cho bà một lần số nợ 110.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 07/01/2019 và tại phiên tòa, bà N1 yêu cầu ông Đ cùng liên đới trả số tiền nợ nêu trên.

Bà N1 trình bày: Bà có tham gia chơi hội do bà N2 làm thảo, hội bắt đầu mở ngày 20/01/2017 (âm lịch), có tổng cộng 28 phần, mức góp hội là 5.000.000 đồng/1 lần, bà tham gia 01 phần và bà N2 có lập danh sách giao cho bà. Hội mỗi tháng mở 01 lần, ai bỏ thăm cao thì được lãnh hội và chi tiền hoa hồng cho bà N2 là 2.500.000 đồng. Tính đến ngày 20/9/2018 (AL) bà đã góp được 22 lần, còn 6 lần mở hội thì bà N2 tuyên bố không mở hội nữa (bà N1 01 phần, ông Phụng 03 phần, bà Thự và bà Phiến mỗi người một phần). Bà và những người chưa lãnh hội có yêu cầu bà N2 trả 22 lần hội đã đóng nhưng bà N2 không trả nên bà có gửi đơn yêu cầu Công an xã KH hòa giải ngày 20/12/2018. Bà N2 thống nhất số nợ của bà là 110.000.000 đồng nhưng xin trả dần. Trong quá trình chơi hội, các bên không có thỏa thuận trả dần tiền hội được lãnh và bà N1 cũng không nhận được thông báo của vợ chồng ông Đ về việc không cho bà N2 làm hội.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N2 đồng ý trả số nợ 110.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Bà N2 thống nhất lời trình bày của bà N1 về ngày mở hội, số tiền góp hội, số thành viên tham gia, số lần mở hội và số tiền còn nợ là 110.000.000 đồng. Bà N2 là người có trách nhiệm giao hội cho hội viên khi được lãnh hội, tiền lãnh hội được giao 01 lần cách ngày mở hội 07 ngày, không có thỏa thuận về việc trả dần số tiền hội được lãnh. Việc bà làm thảo hội đã có từ lâu (không nhớ thời gian cụ thể), nhưng đến năm 2015 phát sinh nợ nần thì ông Đ - chồng bà không cho bà làm nữa. Mục đích của việc làm thảo hội là để hưởng hoa hồng, lấy tiền chi dùng trong gia đình. Việc bà không giao hội được cho bà N1 và những người khác là do bà đã lấy tiền để trả tiền nợ cho các dây hội khác, trong đó có hội cũ của bà N1 và có nhiều người không góp hội lại cho bà như bà 6 Ghe Cát, bà Dương Thị Ly, bà Nguyễn Thị Thúy Ba. Hiện nay kinh tế khó khăn nên bà không có tiền để trả một lần cho bà N1. Trước đây, ông Đ đã từng trả nợ hội cho bà và sau đó thì không cho bà làm thảo hội tiếp nên ông Đ không có liên quan. Bà không nhớ ông Đ có nhận tiền hội từ các hội viên khác dùm bà hay không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và bà N2 là vợ chồng, từ trước tháng 01/2019 thì ông bà vẫn sống chung và cùng làm kinh tế chung. Trước đây, bà N2 có tổ chức chơi hội, ông không tham gia nên không biết cụ thể như thế nào nhưng đến khoảng năm 2014-2015 thì bà N2 bị vỡ nợ, ông có cùng bà N2 thương lượng với một số chủ nợ như bà N1, bà Phiến, ông Đạt và vay tiền ngân hàng để trả nợ. Sau đó, ông đã tuyên bố không

cho bà N2 làm thảo hụi nữa. Sự việc này được một số người thân trong gia đình biết, việc vợ chồng cự cãi về tiền hụi có rất nhiều người ở chợ GCM, xã KH biết. Ông chỉ nhận dùm bà N2 tiền hụi từ bà N1 của các dây hụi trước đây chứ dây hụi đang tranh chấp thì ông không nhận.

Ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý liên đới cùng bà N2 trả nợ.

Các bên không thống nhất.

Ngày 20/12 /2018, bà Nguyễn Thị Minh N1 nộp đơn khởi kiện.

Ngày 21/12/2018, Tòa án nhân dân huyện VH thụ lý vụ án.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện VH đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh N1.

Buộc bà Nguyễn Thị N2 và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Minh N1 số tiền hụi còn nợ 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N2 và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh N1 12.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH ngày 21/12/2018 theo biên lai số 0004273.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/5/2019, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm buộc ông liên đới trả tiền hụi cho bà N1 110.000.000đ. Ông không

đồng ý việc bà N2 chơi hụi và đã ngăn cản có mẹ vợ và hai người em vợ làm chứng.

Ngày 16/5/2019, bà Nguyễn Thị N2 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm xin trả dần và xin trả vốn gốc.

Tại Tòa phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Minh N1 không rút đơn khởi kiện; bà Nguyễn Thị N2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Ông Nguyễn Văn Đ xin rút yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh N1 trình bày: Bà N2 là chủ hụi, bà là hụi viên. Bà tham gia chơi hụi, đây hụi 28 phần, chơi chung với ông Phụng và bà Phiến. Bà góp hụi được 22 lần thì ngưng. Sau khi chốt hụi, bà N2 làm biên nhận nợ tiền hụi 110.000.000đ, xin trả dần. Nay bà N2 không thừa nhận số tiền nợ hụi này, bà yêu cầu xem xét việc bà N2 chiếm dụng vốn góp quá lâu buộc trả 100.000.000đ. Yêu cầu ông Đ là chồng bà N2 phải có trách nhiệm liên đới.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N2 trình bày: Bà kháng cáo xin trả dần số tiền nợ hụi và trả vốn 80.000.000đ như trả cho những hụi viên khác. Ông Đ không liên quan đến việc bà chơi hụi, bà tự chơi nên không buộc trách nhiệm ông Đ. Việc viết giấy nợ hụi là do bà ghi nhưng với điều kiện là cho trả dần. Nay bà N1 không cho trả dần, đề nghị xem lại khoản tiền vốn góp hụi của bà N1. Thực tế các lần khai hụi tay em không góp đủ 5.000.000đ. Bà N1 trình bày vốn góp 100.000.000đ là không đúng nhưng bà đồng ý số tiền này, xin cho trả dần.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Bà N2 kháng cáo yêu cầu bà N1 cho trả vốn và trả dần. Về vốn góp, bà N1 và bà N2 trình bày không thống nhất. Bà N1 căn cứ giấy nhận nợ yêu cầu 110.000.000đ, bà N2 chỉ đồng ý 80.000.000đ nhưng không bên nào đưa ra được chứng cứ vững chắc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N1 yêu cầu trả tiền nợ hụi là 100.000.000đ, bà N2 cũng đồng ý trả nên ghi nhận.

Về yêu cầu xin trả dần, phía bà N1 không đồng ý. Việc chơi hụi bà N2 là chủ hụi. Bà N1 đã góp tiền hụi, nay hụi bể bà N2 phải hoàn trả tiền hụi đã góp là có căn cứ. Pháp luật không quy định việc cho trả dần khi đương sự không thỏa thuận được. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin trả dần, chấp nhận một phần kháng cáo xin trả vốn góp hụi. Sửa bản án dân sự sơ thẩm phần xin trả vốn góp hụi. Về trách nhiệm liên đới: Ông Đ rút yêu cầu kháng cáo, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Phạm vi xét xử phúc thẩm: Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xem xét lại phạm vi có kháng cáo của bị đơn bà N2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ.

[2] Về nội dung

[2.1] Đối với kháng cáo xin trả vốn và xin trả dần của bà Nguyễn Thị N2.

[2.1.1] Bà N1 trình bày bà tham gia dây hụi 5.000.000đ/tháng, có 28 phần, bà tham gia 1 phần, hụi khai ngày 20/01/2017 âm lịch. Hụi có hoa hồng. Bà góp hụi được 22 lần, hụi chưa mãn nên yêu cầu trả lại số tiền $22 \times 5.000.000đ = 110.000.000đ$ như “biên nhận nợ tiền” ngày 18/12/2018. Bà N2 thừa nhận biên nhận nợ do bà viết nhưng mục đích xin trả dần. Án sơ thẩm nhận định bà N1 và bà N2 thống nhất ngày mở hụi và số tiền góp hụi cũng như số tiền nợ hụi để buộc bà N2 trả cho bà N1 số tiền 110.000.000đ là không phù hợp quy định của pháp luật. Vì bà N1 thừa nhận hụi chưa mãn còn 6 kỳ khai hụi nữa thì ngưng. Bà N2 cũng cho biết do tay em không đóng nên bà không tiếp tục mở hụi. Như vậy phải xác định hụi “bị bế”. Vì vậy số tiền phải trả lại cho bà N1 là số tiền thực đóng theo hướng dẫn tại Nghị định 144 ngày 27/11/2006 của Chính phủ trong trường hợp hụi chưa mãn do bản chất hụi có hoa hồng là hụi có lãi theo quy định tại khoản 3 Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, bà N2 thừa nhận và đồng ý trả nợ hụi còn thiếu bà N1 là 100.000.000đ, bà N1 cũng đồng ý nên ghi nhận.

[2.1.2] Về yêu cầu xin trả dần.

Bà N2 trình bày hiện còn nhiều người nợ tiền hụi bà nên xin chờ những người này thanh toán bà sẽ trả cho bà N1 nhưng không được bà N1 đồng ý. Pháp luật dân sự không quy định việc cho trả dần nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà N2.

[2.2] Đối với kháng cáo ông Nguyễn Văn Đ về nghĩa vụ liên đới.

Tại phiên tòa, ông Đ rút yêu cầu kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đ.

[3] Từ nhận định trên chấp nhận một phần kháng cáo của bà N2 như phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 bà N2 và ông Đ phải chịu án trên số tiền phải hoàn trả cho bà N1; bà N1 phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận. Theo đó, bà N2 và ông Đ phải chịu $100.000.000đ \times 5\% = 5.000.000đ$; bà N1 phải chịu $10.000.000đ \times 5\% = 500.000đ$.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, kháng cáo được chấp nhận bà N2 không phải chịu, hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 4 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp

[6] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 293, Điều 296 và khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N2; Chấp nhận việc rút kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện VH.

Căn cứ các Điều 471, Điều 288 và Điều 357, Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/4/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phườn; Khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh N1 đối với bà Nguyễn Thị N2 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

1.1. Ghi nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh N1

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị N2 và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Minh N1 số tiền hui còn nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị N2 và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 0004416 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH. Bà Nguyễn Thị N2 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà N2 300.000đ đã tạm ứng theo biên lai thu số 0004427 ngày 16/5/2019.

3.3. Bà Nguyễn Thị Minh N1 phải chịu 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 2.750.000đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004273 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH ngày 21/12/2018. Hoàn trả cho bà N1 2.250.000đ

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phước Thiện – Huỳnh Thị Hồng Vân

Trần Văn Quán

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện VH;
- TAND huyện VH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quán

